TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG** Bản án số: 27/2025/DS-ST Ngày 08/4/2025 V/v: "*Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phước Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Ba
2. Ông Nguyễn Tuấn Ngọc

- ***Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận N, thành phố Đà Nẵng.

Trong ngày 08 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 166/2024/TLST- DS ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc "*Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 03 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 166/2025/QĐST-HPT ngày 24 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP S . Trụ sở chính: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. *Người đại diện theo pháp luật*: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng giám đốc. *Đại diện theo uỷ quyền:* ông Nguyễn Thế C, chức vụ: Giám đốc chi nhánh Sông Hàn (Quyết định uỷ quyền số 3524/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023 và Quyết định uỷ quyền số 4037/2024/QĐ-PC ngày 27/12/2024 của Tổng giám đốc).

Người được uỷ quyền lại ký đơn khởi kiện: Bà Dương Thị Bích T, chức vụ: Phó giám đốc chi nhánh Sông Hàn (Giấy uỷ quyền số 144/2024/GUQ-CNSH ngày 15/4/2024 và Giấy uỷ quyền số 557/2024/GUQ-CNSH ngày 30/12/2024 của Giám đốc chi nhánh Sông Hàn).

N*gười được uỷ quyền lại để tham gia tố tụng*: Ông Trương Đình V - Chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ (theo Giấy ủy quyền số 165/2024/GUQ-CNSH ngày15/4/2024 và Giấy ủy quyền số 558/2024/UQN-CNSH ngày 30/12/2024 của Giám đốc Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Sông Hàn). Địa chỉ liên hệ: 240 Nguyễn Hữu T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng - *Có mặt*;

* *Bị đơn*: Ông Huỳnh H, sinh năm: 1989. Địa chỉ: 27/3 N, tổ 11, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng - *Vắng mặt*;

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và ý kiến trong quá trình tố tụng tại Tòa án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 29/9/2022, ông Huỳnh H có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông H, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 431.169.600 đồng. Lãi suất áp dụng 2,4%/tháng, từ ngày 01/11/2022 lãi suất là 2.48 %/tháng (lãi suất trong hạn) được Sacombank quyết định điều chỉnh phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất cho vay.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 183.930.967 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 06/12/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến thời điểm xét xử (ngày 08/4/2025), ông Huỳnh H còn nợ ngân hàng các khoản sau: dư nợ 55.067.613 đồng; lãi quá hạn 33.681.334 đồng. Tổng cộng: 88.748.947 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông H có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa giải quyết:

1. Buộc ông Huỳnh H trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 08/4/2025 là 88.748.947 đồng. Trong đó, dư nợ: 55.067.613 đồng; lãi quá hạn 33.681.334 đồng (tính đến ngày 08/4/2025).

2. Ôông Huỳnh H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 09/4/2025 cho đến khi trả dứt điểm nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

* Bị đơn là ông Huỳnh H đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa nên không có lời khai của ông Huỳnh H trong hồ sơ vụ án và không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như ý kiến về việc có hay không yêu cầu phản tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S và ông Huỳnh H là hợp đồng cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt. Mặc dù trong quá trình thụ lý vụ án, Toà án xác định đây là "*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*", tuy nhiên căn cứ Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính Phủ về thanh toán không dùng tiền mặt và Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30.6.2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng thì HĐXX xác định tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S và ông Huỳnh H là "*tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán"*; ông Huỳnh H có nơi cư trú tại 27/3 N, tổ 11, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ông Huỳnh H (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông Huỳnh H.

[2] Về nội dung vụ án:

Hội đồng xét xử xét thấy: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 29/9/2022 (kèm theo Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S với ông Huỳnh H trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Huỳnh H đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo thông báo giao dịch của Ngân hàng, liên tục không trả nợ trong nhiều kỳ. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Huỳnh H vẫn không trả được nợ. Do đó, ngày 06/12/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn trên toàn bộ dư nợ theo quy định của Sacombank.

Tính đến ngày xét xử (08.4.2025), ông Huỳnh H còn nợ Ngân hàng các khoản sau: Dư nợ 55.067.613 đồng; lãi quá hạn 33.681.334 đồng. Tổng cộng: 88.748.947 đồng.

Như vậy, ông Huỳnh H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên được cấp thẻ như thỏa thuận tại Điều 18, 19 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, có hiệu lực từ ngày 11/6/2021 (kèm theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 29/9/2022). Do đó, việc khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu Tòa án buộc ông Huỳnh H phải trả số tiền còn nợ nói trên tính đến ngày 08/4/2025 là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự và thông tư 19/2016/TT-NHNN ngày 30.6.2016 của Ngân hàng Nhà nước; khoản 2 Điều 100, Điều 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024 nên cần chấp nhận.

Lãi suất tiếp tục đ□ợc tính kể từ ngày 09.4.2025 trên số d□nợ gốc theo mức lãi suất do các bên thoả thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 29/9/2022 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S (có hiệu lực từ ngày 11/6/2021) cho đến khi ông Huỳnh H thanh toán xong khoản nợ.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S được chấp nhận nên bị đơn là ông Huỳnh H phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cụ thể số tiền ông Huỳnh H phải chịu là (88.748.947 đồng x 5%) = 4.437.447 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 1.725.000 đồng theo biên lai thu số 0003465 ngày 17/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận N, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 100, Điều 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán*" của Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với ông Huỳnh H.

Xử:

1. Buộc ông Huỳnh H phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 88.748.947 đồng. Trong đó: dư nợ là 55.067.613 đồng; lãi quá hạn 33.681.334 đồng (tính đến ngày 08.4.2025).

Lãi suất tiếp tục đ□ợc tính kể từ ngày 09.4.2025 trên số d□nợ gốc theo mức lãi suất do các bên thoả thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 29/9/2022 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (có hiệu lực từ ngày 11/6/2021) cho đến khi ông Huỳnh H thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2. Án phí DSST: 4.437.447 đồng ông Huỳnh H phải chịu. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 1.725.000 đồng theo biên lai thu số 0003465 ngày 17/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận N, thành phố Đà Nẵng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận N;
- Chi cục thi hành án dân sự quận N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Phước Hòa